

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày: 23 – 3 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Huỳnh Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

D, tên gọi khác: Heo, sinh năm 1987, tại G; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T, sinh năm 1959 và bà B, sinh năm 1961; vợ là K, sinh năm 1998; có 01 người con, sinh năm 2019; anh chị em ruột: 04 người;

Tiền án: Ngày 30/11/2012, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội Cướp giật tài sản, quy định tại điểm c, d, g, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tiền sự: Ngày 19/4/2021, Công an xã V, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 750.000 đồng.

Nhân thân:

- Ngày 16/6/2006, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng;

- Ngày 09/12/2010, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 01 tháng 25 ngày tù về tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2020 đến ngày 23/9/2020. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 28/12/2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông S, sinh năm: 1959 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã V, huyện C, tỉnh Long An.
- Bà D, sinh năm: 1971 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 19/4/2020, D điều khiển xe mô tô biển số 62L1 – 360.69 của N (là em ruột của D) đến cửa hàng điện, nước, đồ gia dụng Minh Tùng, địa chỉ Ấp 4, xã V, huyện C, tỉnh Long An. Do ông S làm chủ, mua 03 bình sơn xịt (01 bình màu vàng, 01 bình màu bạc, 01 bình màu đen) loại 400ml, 01 khóa loại lục giác 14mm, 01 cuộn băng keo dán điện, 01 bù lon, con tán loại 10mm, tổng cộng 120.000 đồng. D đưa cho ông S 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng số seri UU 11032688 để thanh toán, ông S thối lại 380.000 đồng. Sau khi D bỏ đi, ông S kiểm tra tờ tiền, phát hiện không giống tiền thật nên trình báo Công an xã V và giao nộp tờ tiền.

D khai nhận: Ngày 15/4/2020, D đến phòng trọ của một người bạn tên Sol (không rõ nhân thân, lai lịch) ở nhà trọ Thành Nam thuộc phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. D nhờ Sol đến tiệm cầm đồ Khánh Ái Linh, địa chỉ Kiốt số 4+5, 59/2, Khu phố 1B, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cầm 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S với số tiền 1.000.000 đồng và dùng số tiền này mua 2.500.000 đồng tiền giả của một người tên Hiếu (không rõ nhân thân, lai lịch). Ngoài ra trước đó bạn của Sol có cho D 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng.

Ngày 18/4/2020, D từ Bình Dương về nhà tại Ấp 1, xã V, huyện C, tỉnh Long An, D sử dụng 300.000 đồng tiền giả có mệnh giá 100.000 đồng để mua đồ ăn, nước uống nhưng không nhớ rõ đã mua ở những cửa hàng nào.

Sáng ngày 19/4/2020, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34L9 – 5846 đến cửa hàng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Trọng Khách, địa chỉ ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An do bà D làm chủ mua 01 bao thức ăn gà với giá 255.000 đồng, D sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số seri AD 07730195 và 55.000 đồng tiền thật để trả cho bà Duyên. Bà Duyên tự nguyện giao nộp tờ tiền giả trên cho cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C.

Sau khi ông S tố giác về hành vi lưu hành tiền giả, D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C gồm: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, số seri UU 11032688; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, số seri AD 07730195; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, cùng số seri GS 11617493; 09 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng, cùng số seri LH 16804484.

Tại bản kết luận giám định số: 328/2020/KLGĐ ngày 11/5/2020, của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

- 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, cùng số seri UU 11032688

là tiền giả;

- 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (02 tờ cùng số seri GS 11617493, 02 tờ cùng số seri AD 07730195) là tiền giả;

- 09 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng, cùng số seri LH 16804484 là tiền giả.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKSLA-P1 ngày 01/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố D về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự giữ nguyên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 207, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 03 đến 04 năm tù. Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với:

- 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, cùng số seri UU 11032688;

- 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (02 tờ cùng số seri GS 11617493, 02 tờ cùng số seri AD 07730195);

- 09 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng, cùng số seri LH 16804484.

Đối với xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 34L9 – 5846 là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo khai nhận xe mô tô trên do bị cáo mua nhưng không có giấy tờ mua bán cũng như không có giấy đăng ký xe nên đề nghị chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Long An tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị trả lại cho ông S số tiền 380.000 đồng mà bị can thu lợi từ việc sử dụng tiền giả mua đồ tại cửa hàng ông S và trả lại cho bị cáo D số tiền 55.000 đồng mà bị cáo sử dụng mua bao thức ăn gà.

Tại phiên tòa bị cáo: D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội “Lưu hành tiền giả” là đúng người, đúng tội, không oan, bị cáo không tranh luận.

Bị cáo D nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thu thập trong tố tụng hình sự có đủ cơ sở xác định: Do không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài nên D nhờ người bạn tên Sol (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 2.500.000 đồng tiền giả của người tên Hiếu (không rõ nhân thân, lai lịch). Ngày 18,19/4/2020, D sử dụng số tiền giả trên cùng với 500.000 đồng do bạn của Sol cho, lưu hành 300.000 đồng trên đường từ Bình Dương về Long An và tại địa bàn huyện C, B 700.000 đồng. Hành vi của D đủ yếu tố cấu thành tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo D ra trước Tòa án nhân dân huyện C để xét xử về tội danh và điều luật trên là có căn cứ.

[3] Căn cứ quyết định hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D có 01 tiền án về tội cướp giật tài sản với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên được xem là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Về áp dụng hình phạt:

[3.3.1] Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lưu hành tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý tài chính, ngân hàng của nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ; gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân; gây lũng đoạn lĩnh vực tiền tệ của nhà nước. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt tù và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo nhưng bị cáo không sửa đổi bản thân thành người có ích mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm và tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để tiếp tục răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.3.2] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy đối với: 02 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng, cùng số seri UU 11032688; 04 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 200.000 đồng (02 tờ cùng số seri GS 11617493, 02 tờ cùng số seri AD 07730195); 09 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 100.000 đồng, cùng số seri LH 16804484.

Đối với xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 34L9 – 5846 là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo khai nhận xe mô tô trên do bị cáo mua nhưng không có giấy tờ mua bán cũng như không có giấy đăng ký xe nên chuyên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Long an xử lý theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho ông S số tiền 380.000 đồng; trả lại cho bị cáo D số tiền 55.000 đồng nhưng cho chuyển qua tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 207; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2] Tuyên bố bị cáo D phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

[3] Xử phạt bị cáo D 04 (Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/12/2020.

[4] Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo D 45 ngày kể từ ngày tuyên án (23/3/2021) để đảm bảo thi hành án.

[5] Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng, cùng số seri UU 11032688; 04 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 200.000 đồng (02 tờ cùng số seri GS 11617493, 02 tờ cùng số seri AD 07730195); 09 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 100.000 đồng, cùng số seri LH 16804484.

Giao xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 34L9 – 5846 cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Long an xử lý theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho ông S số tiền 380.000 đồng; trả lại cho bị cáo D số tiền 55.000 đồng cho chuyển qua án phí hình sự sơ thẩm. (Các vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo Quyết định chuyển vật chứng số 43/QĐ-VKSLA- P1 ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2021).

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước. Được khấu trừ 55.000 đồng tiền bị tạm giữ (theo Quyết định chuyển vật chứng số 43/QĐ-VKSLA- P1 ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2021), bị cáo còn phải nộp tiếp 145.000 đồng.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CQĐT Công an cấp huyện;
- CQANĐT Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Lộc

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Sơn – Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Ngọc Thám

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện (01b);
- VKSND tỉnh (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Sơn – Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Ngọc Thám

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện (01b);
- VKSND tỉnh (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho

đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)